TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/DS-ST
Ngày: 30-10-2019
Về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lâm

2. Ông Hồ Thái Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXX-ST ngày 23 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2019/QĐST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty P. Địa chỉ: Tòa nhà R, số 9 Đ, Phường A, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyện đơn: Ông Trần Trường Gi, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tầng Y, Tòa nhà C, số 20 Z, Phường A, quận T, Thành phố H.

- *Bị đơn*: Bà Mai Kim X, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp L, xã Tr, huyện V, tỉnh Long An.

Ông Gi có mặt, bà X vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về yêu cầu và ý kiến của các đương sự:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2019, Công ty P yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng giải quyết buộc bà Kim X trả một lần toàn bộ nợ vay bao gồm nợ gốc là 44.183.385 đồng và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký tính

từ ngày đến hết ngày 01/10/2017 là 23.990.615 đồng và lãi chậm trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà X thừa nhận có vay tiền của công ty nhưng không đồng ý trả.

- Về các tình tiết cụ thể của vụ án được nguyên đơn trình bày trong bản tự khai, biên bản hòa giải không được như sau:

Ngày 23/5/2015 bà X có ký giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng (sau đây viết tắc là HĐTD) số 20150523-500000-0320 với công ty P, số tiền vay 51.306.964 đồng, lãi suất thỏa thuận 4,59%/tháng, thời hạn thanh toán nợ là trả chậm rong vòng 28 tháng từ ngày 01/7/2015 đến ngày 01/10/2017 (27 tháng đầu mỗi tháng trả 3.292.000 đồng, tháng cuối của kỳ trả 4.346.000 đồng); Mục đích vay vốn: tiêu dùng cá nhân. Ngày 27/5/2015 công ty giải ngân số tiền vay theo hợp đồng nêu trên, bà X đã nhận tiền trực tiếp tại Bưu điện V là 27.000.000 đồng (công văn số 3796/BĐVN-TTĐS ngày 04/9/2019 đã xác nhận nội dung này), số tiền còn lại chuyển trả nợ cho bà X theo văn bản thỏa thuận lập ngày 23/5/2015.

Kể từ ngày giải ngân đến nay bà X đã thanh toán cho ngân hàng 08 lần với tổng số tiền 25.056.000 đồng, 07 lần đầu bà X thanh toán đúng và đủ số tiền như cam kết, riêng lần thứ tám bà X chỉ trả được 2.000.000 đồng nợ lãi (đối chiếu với kế hoạch trả nợ thì chỉ trả được 7.123.579 đồng gốc và 17.932.421 đồng lãi); Kể từ ngày 28/02/2016 đến nay, bà X không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào, tính đến hết ngày 01/10/2017, bà X đã vi phạm toàn bộ hợp đồng nên bà X còn nợ lại 44.183.385 đồng gốc và 23.990.615 đồng lãi. Nguyên đơn đã cử cán bộ đến làm việc với bà X nhưng bà X không có phương án khả thi để trả nợ. Vì vậy, Công ty P đã khởi kiện bà X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào giấy vay vốn kiêm HĐTD số 20150523-500000-0320 ngày 23/5/2015 giữa Công ty P với bà X, người đại diện của công ty xác định bà X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng tín dụng nên đã khởi kiện vụ án. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, đồng thời bà X có nơi cư trú tại huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Bà X đã được triệu hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà X.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Về việc giao kết hợp đồng: Giấy đăng ký vay vốn số 20150523-500000-0320 ngày 23/5/2015 do bà X ký tên, tại bản tự khai ngày 16/9/2019 bà X cũng thừa nhận có việc vay vốn với Công ty P; Tại thời điểm ký giấy vay vốn bà X là người đã trưởng thành, không mắc các bệnh làm mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, có căn cứ xác định giấy đăng ký vay vốn số 20150523-500000-0320 ngày 23/05/2015 giữa Ngân hàng và bà X là có thật và phù hợp với quy định tại khoản 16, Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 463 Bộ luật dân sự nên các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng như đã cam kết .

- Xét việc thực hiện hợp đồng: Theo cam kết trong HĐTD số 20150523-500000-0320 ngày 23/5/2015 thì tổng nợ vay là 51.306.964 đồng, bà X có nghĩa vụ thanh toán tổng nợ gốc và lãi theo hợp đồng trong thời hạn 28 tháng (Ngày 01 hàng tháng trả gốc và lãi là 3.292.000 đồng, riêng tháng cuối trả 4.346.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 01/07/2015 đến 01/10/2017) nhưng bà X chỉ thanh toán được cho ngân hàng đến ngày 28/02/2016 với số tiền 25.056.000 đồng và từ đó đến nay bà X không trả thêm số tiền nào khác. Như vậy, có căn cứ xác định bà X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong HĐTD nên Công ty P khởi kiện yêu cầu bà X trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh là phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 466 Bộ luật dân sự.

- Xét về số tiền nợ gốc: Công ty xác định và bà X đều xác định bà X đã trả được tám đợt với số tiền là 25.056.000 đồng; Đối chiếu với bản kế hoạch trả nợ và lịch sử trả nợ của bà X thì bà X có 07 đợt trả đúng cam kết, riêng đợt thứ 08 chỉ trả được 2.000.000 đồng nợ lãi, cụ thể lịch trả nợ chi tiết của 08 đợt như sau:

Ngày 01/7/2015 trả 623.011 đồng gốc, 2.668.989 đồng lãi (bà X trả ngày 01/7/2015).

Ngày 01/8/2015 trả 965.606 đồng, 2.326.394 đồng lãi (bà X trả ngày 11/8/2015).

Ngày 01/9/2015 trả 1.009.927 đồng, 2.282.073 đồng lãi (bà X trả ngày 14/9/2015).

Ngày 01/10/2015 trả 1.056.283 đồng, 2.235.717 đồng lãi (bà X trả ngày 13/10/2015).

Ngày 01/11/2015 trả 1.104.766 đồng, 2.187.234 đồng lãi (bà X trả ngày 15/11/2015).

Ngày 01/12/2015 trả 1.155.475 đồng, 2.136.525 đồng lãi (bà X trả ngày 19/12/2015).

Ngày 01/01/2016 trả 1.208.511 đồng, 2.083.489 đồng lãi (bà X trả ngày 19/01/2016).

Ngày 02/02/2016 trả 1.263.982 đồng, 2.028.018 đồng lãi (bà X trả ngày 28/02/2016 nhưng chỉ trả được 2.000.000 đồng tiền nợ lãi).

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc đã trả là 7.123.579 đồng, nợ lãi đã trả là 17.932.421 đồng (25.056.000 đồng - 7.123.579 đồng) nên tiền nợ gốc còn lại là 44.183.385 đồng.

- Xét về tiền nợ lãi: Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì mức lãi suất áp dụng đối với khoản vay trong hạn là 4,59%/tháng, nợ lãi đến ngày 01/10/2017 là: 41.923.036 đồng, sau khi trừ đi số tiền lãi đã trả là 17.932.421 đồng thì còn nợ lại tiền lãi là 23.990.615 đồng, đây là mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng và phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên bà X phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi này. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm trả do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng mà chỉ yêu cầu tính lại chậm thi hành án theo quy định pháp luật, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên được ghi nhận.

- Đối với ý kiến của bà X về việc cho rằng toàn bộ số tiền đã thanh toán là tiền nợ gốc là không có căn cứ và bà X không đồng ý trả nợ là không phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, toàn bộ số nợ gốc và lãi nêu trên đã đến hạn thanh toán nên bà X phải trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bà X không được chấp nhận.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty P về việc buộc bà X phải trả nợ gốc là 68.174.000 đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì X phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty P.

Buộc bà Mai Kim X phải trả cho Công ty P số tiền nợ gốc và lãi đến ngày 01/10/2017 là 68.174.000 đồng (sáu mươi tám triệu, một trăm bảy mươi bốn ngàn) đồng, trong đó nợ gốc là 44.183.385 đồng (bốn mươi bốn triệu, một trăm tám mươi ba ngàn, ba trăm tám mươi lăm) đồng, nợ lãi là

23.990.615 đồng (hai mươi ba triệu, chín trăm chín mươi ngàn, sáu trăm mười lăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Mai Kim X phải chịu 3.409.000 đồng (ba triệu, bốn trăm lẻ chín ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn lại cho Công ty P 1.704.000 (một triệu, bảy trăm lẻ bốn ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 23/8/2019 theo biên lai thu tiền số 0004573.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Liễu